

**GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1  
TRUNG ƯƠNG**



**BẢN CÁO BẠCH**

*(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0103012757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 5/6/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/5/2009)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*(Đăng ký niêm yết số.....do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
cấp ngày.....tháng.....năm 2011)*

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

**Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương**

Địa chỉ: Số 145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.38572765 Fax: 04.38572751

**Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh – Q.Đống Đa – TP.Hà Nội.

Điện thoại: 04 3 773 70 70/ 271 71 71 Fax: 04 3 773 90 58

**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Công Trứ - P.Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 6 290 86 86 Fax: 08 6 291 60 70

**Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: 124 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 355 3666 Fax: 0511 355 3888

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Trần Quang Dinh

- Điện thoại di động: 0912570285

- Điện thoại cố định: 04.38572765

- Email: tranquangdinh@psc1.com

- Số chứng minh thư: 013014442 cấp ngày 27/10/2007 tại Công an thành phố Hà Nội.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG**

*(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0103012757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 5/6/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/05/2009)*

### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu của công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu: **10.000 đồng/cổ phiếu** (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

Tổng số lượng niêm yết: 5.250.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 52.500.000.000 đồng

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **❖ Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán**

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, TP.Hà Nội

Điện thoại: 04 3824 1990/1 Fax: 04 3825 3973

Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

##### ***Trụ sở chính***

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa – TP.Hà Nội.

Điện thoại: 04 3 773 70 70/ 2271 71 71 Fax: 04 3 773 90 58

Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn) Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

##### ***Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh***

Địa chỉ: 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 – TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 6 290 86 86 Fax: 08 6 291 60 70

##### ***Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT***

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro luật pháp.....	7
3. Rủi ro kinh doanh.....	8
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu .....	8
5. Rủi ro khác .....	8
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>9</b>
Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương .....	9
Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS) .....	9
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>9</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>10</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty.....	13
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.....	21
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết .....	23
5. Hoạt động kinh doanh .....	23
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất.....	35
7. Vị thế Công ty trong ngành .....	37
8. Chính sách với người lao động.....	38
9. Chính sách cổ tức .....	40
10. Tình hình tài chính .....	40
11. Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc. Ban kiểm soát. Kế toán trưởng.....	44
12. Tài sản.....	53
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	55
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	57
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết .....	57
<b>V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT .....</b>	<b>57</b>
1. Loại chứng khoán .....	57
2. Mệnh giá.....	57
3. Tổng số chứng khoán niêm yết .....	57
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết .....	57
5. Phương pháp tính giá .....	58
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	58

7. Các loại thuế có liên quan.....	59
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>60</b>
<b>VII. PHỤ LỤC .....</b>	<b>61</b>
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .....	61
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết .....	61
3. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, Báo cáo tài chính năm 2010.....	61

### DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 - Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	11
Bảng 2- Thông tin chung về Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.....	12
Bảng 3 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 28/02/2011 .....	21
Bảng 4 - Danh sách cổ đông sáng lập theo.....	21
Bảng 5- Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 28/02/2011 .....	22
Bảng 6 - Tỷ trọng sản phẩm dịch vụ qua các năm trên tổng doanh thu, lợi nhuận.....	26
Bảng 7 - Danh sách các đối tác cung cấp nguyên vật liệu .....	27
Bảng 8 - Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu.....	28
Bảng 9 - Một số thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.....	28
Bảng 10 - Một số hợp đồng lớn đang thực hiện.....	33
Bảng 11 - Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD .....	35
Bảng 12 - Cơ cấu lao động theo trình độ lao động.....	39
Bảng 13 - Tình hình chia cổ tức từ 2009 – 2011 .....	40
Bảng 14 - Tình hình công nợ phải thu năm 2009, 2010 và năm 2011 .....	41
Bảng 15 - Tình hình công nợ phải trả năm 2008, 2009 và năm 2010.....	41
Bảng 16 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	42
Bảng 17 - Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2009 .....	53
Bảng 18 - Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2010 .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 19 - Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 31/12/2010.....	53
Bảng 20 - Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2011-2013.....	55

### DANH MỤC BIỂU

Biểu 1- Tỷ trọng sản phẩm qua các năm .....	26
---	----

### DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức - quản lý Công ty .....	13
Sơ đồ 2- Quy trình sản xuất.....	29

**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1. Rủi ro kinh tế*****Tốc độ tăng trưởng kinh tế***

Theo số liệu của tổng cục thống kê, trong giai đoạn 2002 – 2007, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định với mức tăng trưởng GDP trung bình các năm từ 7,7% - 8,48%/năm. Tuy nhiên năm 2008, nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những khó khăn nhất định, chứng kiến sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ, sự biến động trong hệ thống tài chính toàn cầu, sự bất ổn của giá dầu và dấu hiệu của cuộc khủng hoảng lương thực trên toàn cầu v.v..., từ đó cũng gây những tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của phần lớn doanh nghiệp; mức tăng trưởng GDP là 6,23% (thấp hơn 2,25% so với năm 2007 và thấp hơn 0,77% so với kế hoạch điều chỉnh. Trong năm 2009, kinh tế thế giới và kinh tế trong nước mặc dù đã từng bước phục hồi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, GDP đạt 5,2%. Năm 2010, nền kinh tế tiếp tục phục hồi với tốc độ tăng trưởng ước đạt 6,78 %, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tất cả các ngành, lĩnh vực đều đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với năm 2009. Sang năm 2011, chính phủ thực hiện nhiều biện pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế cung tiền cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp. Theo dự báo của Bộ kế hoạch và Đầu tư GDP 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 5,6%, giảm so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 dự báo vẫn ở mức 18,8% (dự báo của IMF), lãi suất cho vay còn khá cao, bất cập trong quản lý các tập đoàn kinh tế, chỉ tiêu về môi trường chưa đạt yêu cầu.

Những số liệu trên cho thấy nền kinh tế Việt Nam tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng từ sự suy thoái kinh tế toàn cầu, điều này làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong đó có cả các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia, dù kinh tế thế giới có gặp khó khăn thì ngành nông lâm nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng, trong đó có vai trò của ngành thuốc bảo vệ thực vật.

Để quản lý rủi ro từ tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương thường xuyên xuyên tiến hành dự báo, phân tích tình hình phát triển kinh tế trong và ngoài nước để lên kế hoạch kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn.

***Lãi suất***

Năm 2009 với chính sách kích cầu nhằm ngăn chặn suy thoái kinh tế sau khủng hoảng, chính phủ đã thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ, lãi suất cơ bản giảm khá mạnh so với năm 2008 từ 14% xuống còn 7% và từ tháng 11 là 8%. Với mức lãi suất cơ bản thấp đã khống chế mức trần lãi suất cho vay thấp hơn so với lãi suất thực của thị trường, (trần lãi suất cho vay ở mức 12%/năm so với lãi suất thực cho vay là 15% đến 16%). Trong lĩnh

vực bất động sản, mặc dù không được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất 4% như các ngành sản xuất nhưng với mức lãi suất cho vay hợp lý trong năm 2009 rất nhiều công ty đã mạnh dạn vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp để triển khai các dự án bất động sản nhằm đón đầu khi kinh tế bước vào giai đoạn tăng trưởng. Tuy nhiên, từ đầu quý I – 2011 Chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, hạn chế tối đa tín dụng cho lĩnh vực phi sản xuất, nhất là lĩnh vực bất động sản, chứng khoán. Mặc dù công ty luôn được ưu đãi vay vốn, tuy nhiên chi phí vốn trung bình trên thị trường cao dẫn đến chi phí lãi vay cũng cao, ảnh hưởng nhiều đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **Tỷ giá hối đoái**

Trong thời gian qua, tỷ giá liên tục biến động tăng, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong đó có các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật đặc thù nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu được nhập khẩu.

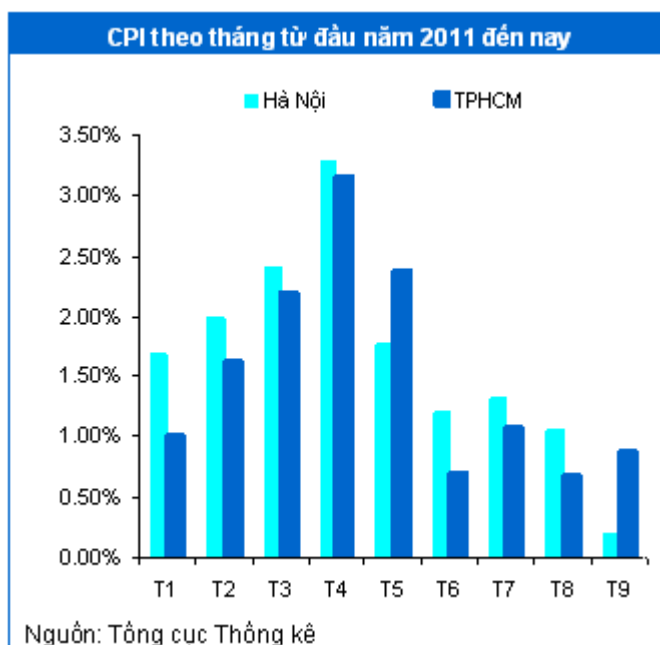
Bên cạnh rủi ro tỷ giá tăng thì các doanh nghiệp vay nhiều ngoại tệ cũng đang tự tích lũy rủi ro tỷ giá thông qua các số liệu về dư nợ tín dụng ngoại tệ. Năm 2010, tín dụng ngoại tệ tăng 49,3% so với năm 2009 (tổng tín dụng cho nền kinh tế tăng 29,81% so với năm 2009 và trong đó tín dụng VND tăng 25,3%). Số liệu tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2011 cho thấy các doanh nghiệp vẫn tiếp tục vay ngoại tệ tăng 23,4% so với cuối năm 2010 (trong khi dư nợ tín dụng của nền kinh tế tăng 7,13% so với cuối năm 2010 và tăng 26,07% so với cùng kỳ 2010; trong đó tín dụng VND tăng 2,67%).



Dự báo trong thời gian tới vấn đề rủi ro tỷ giá vẫn là mối lo ngại lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là thời điểm cuối năm 2011 và năm 2012.

### **Lạm phát**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, giá cả nguyên vật liệu, xăng dầu... khiến cho chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao



Năm 2010 lạm phát ở Việt Nam là 11,75%, đến tháng 9 năm 2011 đã lên tới 16,63% so với đầu năm. Mục tiêu của Chính phủ lạm phát cả năm ở mức 15%, tuy nhiên nhiều dự báo từ giờ đến hết năm 2011 lạm phát vẫn còn diễn biến tăng trong bối cảnh mặt bằng các loại giá cả vẫn đang ở mức cao so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Rủi ro luật pháp**

Là một Công ty cổ phần mọi hoạt động của Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đều chịu sự điều chỉnh của luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi tiến hành niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các Nghị định, Thông tư về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, do hệ thống Luật pháp của Việt Nam hiện nay còn chưa đồng bộ, các văn bản hướng dẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự điều chỉnh của Nhà nước liên tục diễn ra sẽ gây ra ảnh hưởng nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi cập nhật kịp thời, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược phát triển cho phù hợp.

Ngoài ra Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật liên quan đến nông nghiệp bởi đây là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty. Do đó những chính sách của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực này đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



### 3. Rủi ro đặc thù

Ngành kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ngoài việc chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế còn chịu nhiều rủi ro đặc thù sau;

- Rủi ro về giá nguyên vật liệu: Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hiện chủ yếu được nhập khẩu, vậy nên những rủi ro về biến động giá và nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào sẽ tác động trực tiếp tới giá thuốc bảo vệ thực vật trong nước cũng như khả năng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành.

- Rủi ro tỷ giá: Do nguyên vật liệu đầu vào của các doanh nghiệp ngành kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật hiện nay chủ yếu được nhập khẩu, do đó sự biến động tỷ giá đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam là rủi ro đối với hầu hết các doanh nghiệp trong ngành. Vì vậy ngoài chính sách nhập khẩu và dự trữ hàng tồn kho, thì kế hoạch cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho nhập khẩu nguyên liệu cũng là vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp ngành thuốc bảo vệ thực vật.

- Rủi ro kinh doanh. Thuốc bảo vệ thực vật mặc dù giúp cho cây trồng có thể tăng trưởng nhanh hơn và đạt được năng suất cao hơn. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật quá mức sẽ gây hại cho môi trường sống và sức khỏe của con người.

### 4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị niêm yết nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

### 5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra, do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực cung cấp thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 trung ương còn gặp một số rủi ro khác như rủi ro tỷ giá, , vv...



**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

Ông Đặng Văn Thông Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc

Ông Đinh Khắc Tuấn Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ông Trần Quang Dinh Chức vụ: Trưởng phòng kế toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)**

Đại diện Bà Nguyễn Thị Phương Chi

Chức vụ: Phó giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh Nghiệp

Quyết định ủy quyền Số 89.5-2008/QĐ/NS/FPTS ngày 30/5/2008 của Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

UBCK : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SGD HN : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

UBND : Ủy ban Nhân dân

Công ty : Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

HĐQT : Hội đồng Quản trị

BKS : Ban kiểm soát

BGD : Ban giám đốc

CBCNV : Cán bộ công nhân viên

Điều lệ Công ty : Điều lệ của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển*****Quá trình hình thành và phát triển:***

**Năm 1985:** Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương (PSC.1) được hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau gắn liền với sự phát triển của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tiền thân là Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 được thành lập theo quyết định số 403/NN/TCCB/QĐ ngày 26/11/1985 của Bộ Nông nghiệp.

**Năm 1992:** Ngày 18/6/1992 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra quyết định số 163/NN/TCCB/QĐ tách Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 thuộc Cục bảo vệ thực vật về Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

**Năm 1993 – 2003:** Ngày 06/01/1993 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và CNTP (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) ban hành Quyết định số 08NN – TCCB/QĐ thành lập doanh nghiệp nhà nước;

- Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
- Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 1 Đà Nẵng
- Chi nhánh vật tư bảo vệ thực vật 3 Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Thanh Hóa
- Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Hà Tĩnh
- Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Hưng Yên

**Năm 2004:** Ngày 24/2/2004 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Quyết định số 415/QĐ/BNN-TCCB cho phép Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 10/06/2002 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

**Năm 2005:** Công ty được cổ phần hoá từ Công ty vật tư bảo vệ thực vật 1 theo Quyết định số 3112/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Năm 2006 đến nay:** Sau khi cổ phần hóa, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã phát triển không ngừng với 11 chi nhánh và 05 tổ bán hàng, Công ty đã thiết lập được hệ thống phân phối trên khắp cả nước.

**Bảng 1 - Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

Đơn vị tính: VNĐ


<b>Năm</b>	<b>Vốn điều lệ trước khi tăng</b>	<b>Mức tăng</b>	<b>Vốn điều lệ sau khi tăng</b>	<b>Căn cứ</b>
<b>2008</b>	35.000.000.000	15.000.000.000	50.000.000.000	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là 791.057 cổ phiếu. – Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược 625.000 cổ phiếu
<b>2011</b>	50.000.000.000	2.500.000.000	52.500.000.000	Phát hành cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

***Ngành nghề kinh doanh của Công ty:***

Hiện nay Công ty đang hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

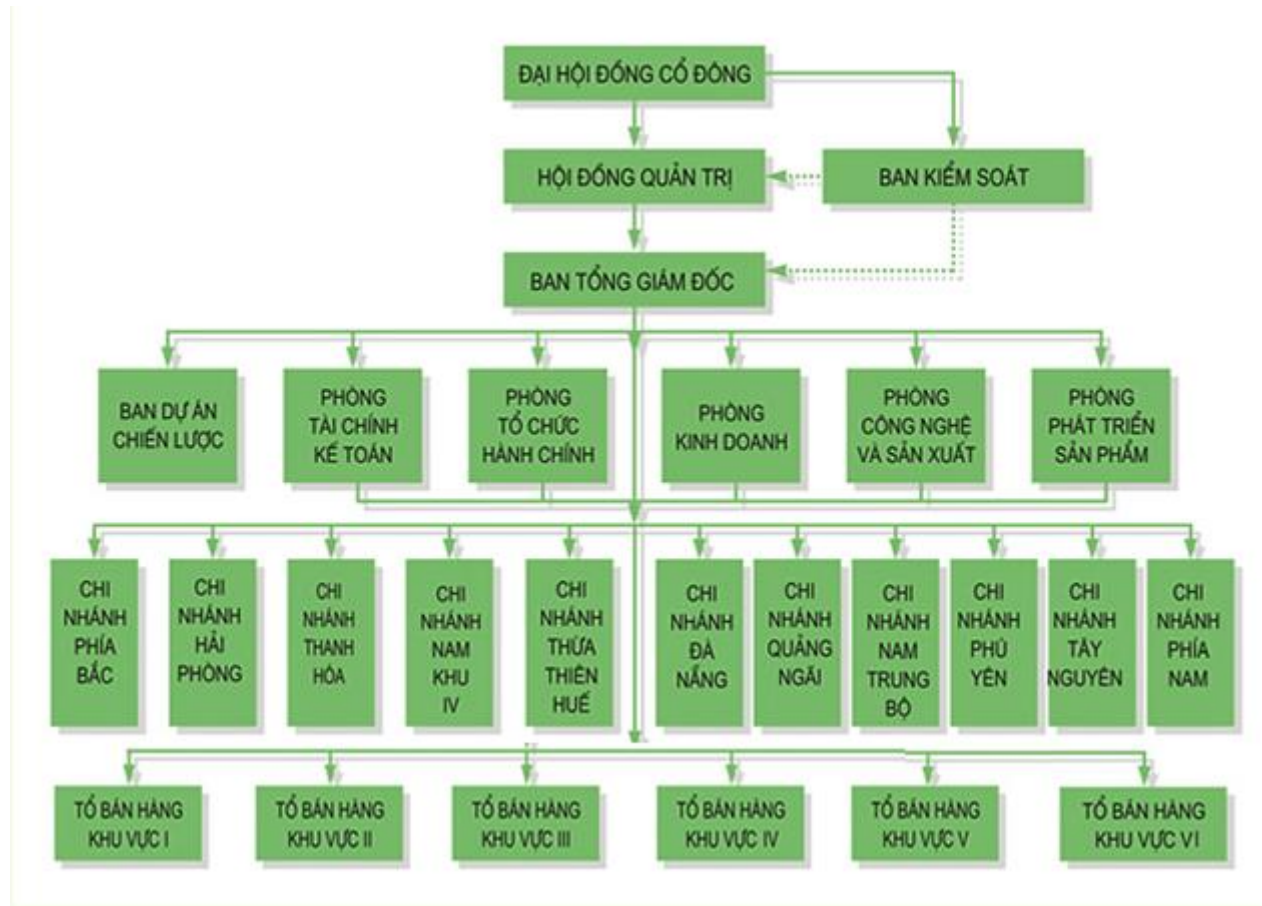
- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất bao gồm: Dụng cụ phun, rải thuốc bảo vệ thực vật, máy móc nông cụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, trang thiết bị phục vụ cho nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản;
- Kinh doanh hàng tư liệu tiêu dùng, sinh hoạt bao gồm: hàng may mặc, máy móc, thiết bị, dùng trong công xưởng hoặc phòng thí nghiệm, máy móc, thiết bị đun nóng, làm lạnh; đồ nội thất dùng trong gia đình (bàn ghế, giường tủ);
- Sản xuất và mua bán hóa chất, phân hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, kiến, gián, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng.
- Sản xuất và mua bán giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn cho gia súc, thức ăn cho tôm, cá;
- Sản xuất và mua bán thuốc khử trùng cho nuôi trồng thủy sản, thuốc khử trùng và làm dịch vụ khử trùng cho hàng xuất nhập khẩu, kho tàng;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh bất động sản
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).

**Bảng 2- Thông tin chung về Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

<b>Tên công ty:</b>	<b>Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương</b>
<b>Tên tiếng Anh:</b>	CENTRAL PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY NO.1
<b>Tên viết tắt:</b>	PSC.1
<b>Logo:</b>	
<b>Người đại diện:</b>	Ông Đặng Văn Thông - Chủ tịch hội đồng quản trị
<b>Trụ sở:</b>	145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, TP Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	(04) 3857 2764
<b>Fax:</b>	(04) 3857 2751
<b>Website:</b>	<a href="http://www.psc1.com">http://www.psc1.com</a>
<b>Email:</b>	<a href="mailto:Psc1@psc1.com">Psc1@psc1.com</a>
<b>Vốn điều lệ trên ĐKKD:</b>	52.500.000.000 VND
<b>Vốn điều lệ thực góp tại 30/06/2011:</b>	52.500.000.000 VND
<b>Đăng ký kinh doanh số:</b>	0103012757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 05/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/5/2009

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức - quản lý Công ty



**2.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty cho các năm tiếp theo. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

**2.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương bao gồm 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Thông	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Đỗ Đức Cơ	Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị
3	Ông Trần Quang Dinh	Ủy viên Hội đồng quản trị
4	Ông Nguyễn Ngọc Long	Ủy viên Hội đồng quản trị
5	Ông Vũ Thiện Giáo	Ủy viên Hội đồng quản trị

**2.3. Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm ba (03) thành viên để kiểm soát các hoạt động của Công ty theo luật pháp và Điều lệ Công ty. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn tài chính kế toán; Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ

kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 4 thành viên :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đinh Khắc Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Doãn Thị Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Lê Phan Thành	Thành viên Ban Kiểm soát

#### **2.4. Ban Tổng Giám đốc công ty**

Ban Tổng giám đốc công ty gồm Tổng Giám đốc và các phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Là người quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về các quyết định của mình. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Giám đốc công ty hiện nay gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Thông	Tổng giám đốc
2	Ông Đỗ Đức Cơ	Phó Tổng giám đốc

#### **2.5. Các Phòng - Ban chức năng**

Các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm một trưởng phòng hoặc phó phòng phụ trách. Số lượng phó phòng và cán bộ, chuyên viên, nhân viên do Giám đốc quyết định tùy theo chức năng nhiệm vụ và quy mô công việc.

##### **a) Phòng tổ chức hành chính**

- Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện các công tác tổ chức, công tác tiền lương theo phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng cán bộ, công nhân viên hàng năm, quản lý hồ sơ nhân lực.
- Xây dựng điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty, nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ, quy chế tiền lương, định mức tiền lương, định mức lao động.



- Tham mưu giúp lãnh đạo sắp xếp cán bộ và lực lượng lao động phù hợp khả năng và yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh, từng phòng và từng chi nhánh, xí nghiệp.
- Làm thư ký các cuộc họp bàn về nhân sự và thảo quyết định liên quan đến công tác nhân sự kể cả luân chuyển, hưu trí, sa thải và kỷ luật lao động, kỷ luật hành chính.
- Lập kế hoạch, kiểm tra chỉ đạo các xưởng thực hiện kế hoạch về công tác bảo hộ lao động, công tác an toàn lao động vệ sinh môi trường.
- Thực hiện công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, khám điều trị thông thường, khám sức khỏe định kỳ, khám chữa bệnh nghề nghiệp và các biện pháp vệ sinh dịch tễ; Tham mưu cho lãnh đạo tham gia các loại hình bảo hiểm có lợi cho người lao động.
- Tham mưu cho lãnh đạo về công tác thi đua, khen thưởng: hình thức, mức độ khen thưởng, kỷ luật đối với tập thể cá nhân.
- Xây dựng các phương án phân phối lương, thưởng, hướng dẫn các đơn vị trong Công ty thực hiện phân phối đúng quy chế. Tập hợp tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương ở các xưởng và cả Công ty từng tháng, quý, năm.
- Quản lý sử dụng, điều hành các trang thiết bị, nhà cửa, phương tiện đi lại thuộc quản lý của văn phòng Công ty.
- Tổ chức, đảm bảo các điều kiện, phương tiện đi lại, làm việc và công tác hậu cần cho các cuộc họp, các hội nghị của Công ty.
- Tiếp nhận đơn thư của CBCNV và tổ chức cá nhân ngoài Công ty giải quyết hoặc trình lãnh đạo Công ty giải quyết các ý kiến đó theo khả năng và sự uỷ quyền của lãnh đạo.
- Tiếp nhận, lưu trữ công văn, giấy tờ từ ngoài gửi đến, từ Công ty gửi đi và trong nội bộ Công ty theo đúng quy định của ngành văn thư lưu trữ.

### ***b) Phòng Tài chính – Kế toán***

- Giúp lãnh đạo Công ty thực hiện chức năng giám đốc quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện đúng các chế độ, chính sách về công tác tài chính kế toán, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính để đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.
- Đảm bảo vốn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Công ty giao
- Năm chắc và báo cáo Giám đốc thường xuyên, kịp thời chính xác tình hình tài chính của công ty.
- Lập kế hoạch tài chính hàng quý, năm, và có biện pháp đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất, đời sống, đầu tư của Công ty.

- Hướng dẫn kiểm tra các đơn vị (phòng ban và các xưởng sản xuất) thực hiện việc chi tiêu đúng chế độ chính sách, đúng quy chế.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các chế độ kế toán thống kê từ việc thiết lập hệ thống chứng từ đến trình tự thanh toán, kế toán, quyết toán.
- Thường xuyên kiểm tra các đơn vị và chịu trách nhiệm giải trình chứng minh số liệu, sổ sách, phương pháp hạch toán kế toán ở các đơn vị và Công ty trước các cơ quan tài chính thuế vụ, các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán có quyền chấp nhận hay không chấp nhận các chi tiêu tài chính không đúng chế độ chính sách, có thể xuất toán hoặc yêu cầu đơn vị, cá nhân khắc phục sai phạm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty, trước pháp luật về việc tổ chức hệ thống hạch toán kế toán từ các xưởng, phòng ban của Công ty.
- Đối chiếu với khách hàng, hàng kỳ theo đúng quy định.
- Tham gia cùng các phòng nghiệp vụ khác giải quyết các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khi Giám đốc yêu cầu.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê theo quy định của Nhà nước và ngành về công tác kế toán;

### **c) Phòng Công nghệ và Sản xuất**

Phòng Công nghệ và Sản xuất Công ty là phòng quản lý sản xuất, chất lượng sản phẩm hàng hóa của Công ty, nghiên cứu, đề xuất quy trình công nghệ phục vụ sản xuất; thực hiện chức năng quản lý sản xuất chế biến, sang chai, đóng gói sản phẩm, chất lượng sản phẩm trong Công ty.

Phòng Công nghệ và Sản xuất Công ty được Giám đốc Công ty giao thực hiện những nhiệm vụ sau:

+ Quản lý chất lượng sản phẩm:

- Quản lý chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty.
- Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng (tiêu chuẩn cơ sở), quy trình sản xuất cho từng chủng loại sản phẩm.
- Phối hợp với phòng Kinh doanh và các đơn vị liên quan giải quyết các khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm của Công ty.

+ Quản lý sản xuất:

- Chỉ đạo và điều hành công tác sản xuất chế biến, sang chai, đóng gói nhỏ sản phẩm hàng hoá tại các Xưởng sản xuất trực thuộc Công ty.
- Xây dựng định mức kỹ thuật trong sản xuất chế biến, sang chai đóng gói nhỏ.
- Kiểm tra, quyết toán hàng hoá trong sản xuất.

- Xây dựng và kiểm tra việc thực hiện định mức hàng thành phẩm tồn kho cuối vụ trong quá trình sản xuất tại các Xưởng sản xuất.
- Quản lý, theo dõi và chỉ đạo xử lý sản phẩm không phù hợp.

+ Quản lý công nghệ:

- Nghiên cứu, thử nghiệm trong phòng thí nghiệm để tìm ra dung môi, phụ gia mới và công thức phối trộn tốt nhất nhằm cải tiến nâng cao chất lượng, hiệu quả của sản phẩm sẵn có; xây dựng quy trình công nghệ để sản xuất sản phẩm mới
- + Thực hiện những nhiệm vụ khác được Giám đốc Công ty giao.

### ***d) Phòng Kinh doanh***

Phòng kinh doanh là phòng quản lý tổng hợp về chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty; thực hiện chức năng về quản lý về nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm trong Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

Phòng kinh doanh được Giám đốc Công ty giao thực hiện nhiệm vụ sau:

+ Quản lý công tác xuất - nhập khẩu:

- Tìm kiếm nguồn nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa và các sản phẩm do Công ty sản xuất, cung ứng.
- Xây dựng kế hoạch hàng năm và nhiều năm (3 - 5 năm) trong công tác nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục để nhập, xuất khẩu hàng hoá và sản phẩm.

+ Quản lý công tác tiêu thụ sản phẩm:

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm, ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước.
- Xây dựng chính sách tiêu thụ sản phẩm bao gồm: Giá bán, chế độ khuyến mãi, thưởng, chăm sóc khách hàng...
- Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và chính sách tiêu thụ sản phẩm được Giám đốc Công ty phê duyệt.
- Xây dựng định mức hàng hoá tồn kho cuối vụ (gồm cả nguyên liệu, dung môi, phụ gia, thành phẩm) cho toàn Công ty và cho từng đơn vị bán hàng thuộc Công ty; kiểm tra việc thực hiện định mức này của các đơn vị bán hàng.
- Quản lý, theo dõi, cân đối, điều tiết giữa nhập và xuất để bảo đảm đúng định mức tồn kho cuối vụ và không để thừa-thiếu hàng.
- Lập báo cáo thống kê hàng hoá định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Công ty.
- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ở các đơn vị.
- Nghiên cứu thị trường, thu thập, tổng hợp các thông tin từ các đơn vị cơ sở và khách hàng về chất lượng hàng hoá, kích thước bao gói, chai, giá cả, chính sách tiêu thụ

hàng hoá, những ưu thế và khiếm khuyết của các sản phẩm của Công ty, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp xử lý trình Giám đốc Công ty.

- + Theo dõi và quản lý hàng dự trữ quốc gia.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác được Giám đốc Công ty giao.

### **Trụ sở chính Công ty**

- Địa chỉ: 145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 385 72764                      Fax: 04.385 72751
- Website: [www.psc1.com](http://www.psc1.com)

Trụ sở chính điều hành mọi hoạt động chung của toàn Công ty.

### **Chi nhánh Hải Phòng**

- Địa chỉ: Km 9 Vành đai 3, Quán Toan, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0313. 850032/850053      Fax: 0313.850184

### **Chi nhánh phía Bắc**

- Địa chỉ: Thị trấn Vương, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0321.873636/ 873590      Fax: 0321.873603

### **Chi nhánh Thanh Hóa**

- Địa chỉ: 318 đường Trần Hưng Đạo, Phường Nam Ngạn, Thành phố Thanh Hóa.
- Điện thoại: 0373.873636/873590      Fax: 0373.754264

### **Chi nhánh Nam Khu IV**

- Địa Chỉ: 160 đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Điện thoại: 039.857087                      Fax: 039.856096

### **Chi nhánh Thừa Thiên Huế**

- Địa chỉ: Xã Thủy Dương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Điện thoại: 054.864403                      Fax: 054.864403

### **Chi nhánh Đà Nẵng**

- Địa chỉ: Xã Hòa Khương, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 05113.784396                      Fax: 05113.780191

### **Chi nhánh Quảng Ngãi**

- Địa chỉ: Khối 1, Thị trấn La Hà, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: 055.845887                      Fax: 055.845887

### **Chi nhánh Nam Trung Bộ**

- Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 056.833555                      Fax: 056.833777

### **Chi nhánh Phú Yên**

- Địa chỉ: Quốc Lộ 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Điện thoại: 057.822866 Fax: 057.252314

### **Chi nhánh Tây Nguyên**

- Địa chỉ: Km 4, Quốc Lộ 14 Phường Tân An, Thành Phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 050.953356 Fax: 050.952069

### **Chi nhánh Phía Nam**

- Địa chỉ: Lầu 3, 135A, Đường Pasteur, P.6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08.8247554 Fax: 08.8277808

### **Tổ bán hàng khu vực I**

- Địa chỉ: Khách sạn Hoàng Yến, 397 Đường Hà Nội, TP. Nam Định.
- Điện thoại: 03503.676350 Fax: 03503.676350

### **Tổ bán hàng khu vực II**

- Địa chỉ: Km 9 Vật Cách, Quán Toan, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313.850032 Fax: 0313.850184

### **Tổ bán hàng khu vực III**

- Địa chỉ: Số 823, Đường Long Hưng, Thành phố Thái Bình.
- Điện thoại: 036.745489 Fax: 036.745489

### **Tổ bán hàng khu vực IV**

- Địa chỉ: Khách sạn Thiên Hương, 17 Quang Trung, Thành phố Vinh, Nghệ An.
- Điện thoại: 038.8602 034 Fax: 038.8602 034

### **Tổ bán hàng khu vực V**

- Địa chỉ: 145 phố Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 04.3533 4827 Fax: 04.3533 4827

### **Tổ bán hàng khu vực VI**

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Điện thoại: 05113.784396 Fax: 05113.780191

### **Các Xưởng sản xuất**

- Xưởng Sản xuất tại Vật Cách Hải Phòng trực thuộc Chi nhánh Hải Phòng
- Xưởng Sản xuất tại Hòa Khương Đà Nẵng trực thuộc Chi nhánh Đà Nẵng
- Xưởng sản xuất tại Khu Công Nghiệp Lê Minh Xuân, Thành Phố Hồ Chí Minh trực thuộc Chi nhánh Phía Nam.

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông****Bảng 3 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 30/09/2011**

TT	Cổ đông	Số Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị	%
					(VND)	VĐL
1	Vốn Nhà nước: Đại diện					
1.1	Đặng Văn Thông		Số 21 ngõ 104, đường Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội	1.351.973	13.519.730.000	27,04
1.2	Đỗ Đức Cơ		Số nhà 4, ngõ 470 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	901.315	9.013.150.000	18,03
2	Đặng Văn Thông		Số 21 ngõ 104, đường Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội	264.838	2.648.380.000	5,04
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn trái đất xanh		D6 – Tổ 5 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	286.000	2.860.000.000	5,45

*(Nguồn: Cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ngày 15/09/2011)*

**Bảng 4 - Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103012757 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2006, thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 05 năm 2009.**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
			(Đồng)	(%)
1	Cổ đông nhà nước: Đại diện			
1.1	Đặng Văn Thông	1.351.973	13.519.730.000	27.04
1.2	Đỗ Đức Cơ	901.315	9.013.150.000	18.03
2	Trần Quang Dinh	61.079	610.790.000	1.22
3	Nguyễn Ngọc Long	32.417	324.170.000	0.65

(Nguồn: Cổ cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ngày 30/06/2011)

Theo quy định tại Điều 84 khoản 5 Luật doanh nghiệp, sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy đến thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập của Công ty đã được tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông đang nắm giữ.

**Bảng 5- Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/09/2011**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Trong nước</b>		<b>429</b>	<b>5.250.000</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>100</b>
1	Tổ chức	6	3.029.291	30.292.910.000	57,7
2	Cá nhân	423	2.220.709	22.207.090.000	42,3
<b>Ngoài nước</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>		<b>429</b>	<b>5.250.000</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Cổ cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)



4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1. Sản phẩm/ Dịch vụ

Sản phẩm chính của Công ty là các loại thuốc bảo vệ thực vật, được sản xuất và phân loại theo ba loại hình cơ bản sau;

- Công ty mua thành phẩm đã được sản xuất hoàn chỉnh nguyên đai nguyên kiện từ các nhà cung cấp để cung ứng trực tiếp đến khách hàng.
- Công ty mua thành phẩm dạng bao bì lớn phuy 200 lít, thùng 70kg, v.v..., sau đó chiết và đóng chai tại các đơn vị sản xuất để có được thành phẩm hoàn chỉnh bán ra thị trường.
- Công ty mua nguyên vật liệu chính gồm hoạt chất và các phụ gia, sau đó áp dụng công nghệ, công thức pha chế được chuyển giao từ các công ty nước ngoài hoặc tự nghiên cứu để phối chế sản xuất ra thành phẩm hoàn chỉnh.

Một số sản phẩm của Công ty



STT	Sản phẩm	Đặc điểm
1	<b>Tango 800WG;50SC</b>	Trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ hại lúa; Trừ rệp muội, bọ trĩ, rệp...hại rau bắp cải, dưa hấu, dưa chuột
2	<b>Sutin 5EC</b>	Trừ rầy nâu, bọ trĩ... hại lúa Rầy xanh, bọ cánh tơ... hại chè
3	<b>Bassa 50EC</b>	Trừ rầy nâu, bọ xít, sâu keo hại lúa; Bọ trĩ, rệp, rầy hại cây có múi; bọ xít hại hồ tiêu, rệp bông hại vải, rệp hại đậu tương, thuốc lá, rệp sáp hại cà phê, rệp hại cây ăn quả

4	<b>Ofatox 400EC;400WP</b>	Trừ bọ xít, bọ trĩ, sâu gai hại lúa, rầy xanh hại chè, rệp muội hại rau, rệp sáp hại cà phê, bọ xít hại nhãn, rệp bông xơ hại mía..
5	<b>Patox 95SP;4G</b>	Trừ sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu...hại lúa, sâu đục thân mía...
6	<b>Neretox 95WP;18SL</b>	Trừ sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ... hại lúa
7	<b>Trebon 10EC</b>	Trừ rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá.. hại lúa Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi... hại chè Trừ sâu xanh, sâu khoang...hại ngô, bông, sâu vẽ bùa, rệp... hại vải
8	<b>Victory 585EC; 300EC</b>	Trừ rầy nâu hại lúa, rệp hại mía, rệp sáp hại cà phê
9	<b>DuPont Ammate 30WDG</b>	Thuốc đặc hiệu trừ sâu cuốn lá lúa và sâu xanh cà chua
10	<b>Dip 80SP</b>	Trừ sâu keo, bọ xít, bọ trĩ, rệp, sâu ăn lá hại lúa, dòi đục lá, rệp, sâu hại đậu tương, đỗ, dưa chuột và các loại cây ăn quả
11	<b>Ortus 5SC</b>	Trừ nhện đỏ hại chè, cam, chanh (cây có múi), nhện lông nhung hại vải, nhện đỏ hại đào, hoa hồng...
12	<b>Danitol 10EC</b>	Trừ nhện lông nhung hại vải, trừ rệp hại bông
13	<b>Fuji-one 40WP</b>	Trừ nấm nội hấp, đặc trị bệnh đạo ôn gây vàng lá và cháy lá.. Kích thích sinh trưởng, phát triển của lúa, giúp cây lúa vượt qua giai đoạn nghẹt rễ, tăng năng suất và chất lượng gạo
14	<b>Cavil 50SC;50WP</b>	Có tác động nội hấp, phổ tác động rộng, đặc hiệu trừ bệnh khô vằn hại lúa, có hiệu lực cao với nhiều loại bệnh hại như rỉ sắt, thán thư, thối than, đốm nâu trên nhiều loại cây như đậu đỗ, lạc, dưa chuột...
15	<b>Ricide 72WP</b>	Trừ bệnh hỗn hợp 2 hoạt chất Metalaxyl và Mancozeb có tác động nội hấp mạnh Đặc hiệu phòng trừ mốc sương, phấn trắng... Tác dụng kích thích sinh trưởng cây trồng, chống rụng hoa, quả..
16	<b>Prefit 300EC</b>	Trừ được hầu hết các loại cỏ: cỏ lồng vục, cỏ đuôi phụng, cỏ chác, cỏ lác, lúa cỏ... Cải tạo đất làm cho đất tơi xốp, màu mỡ giúp cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt

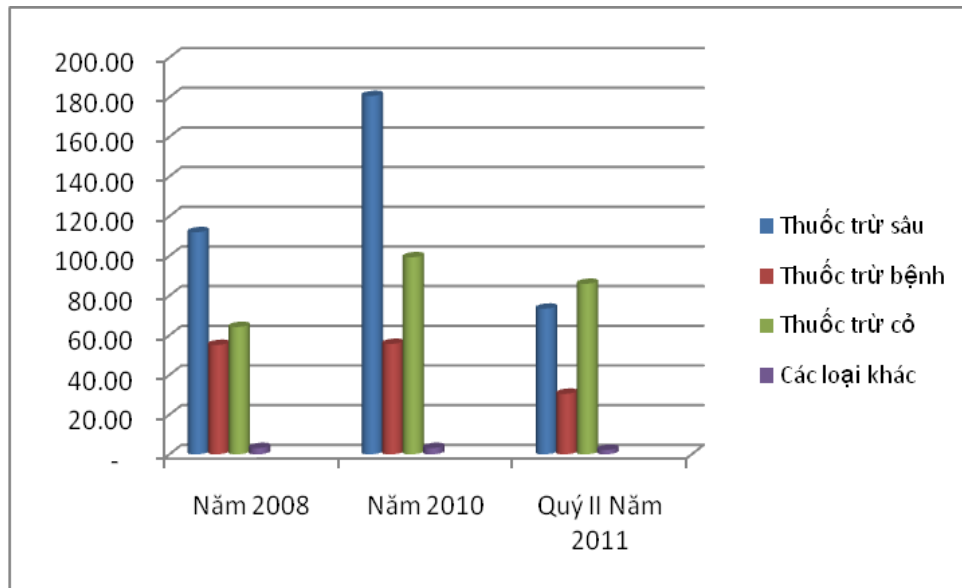
17	<b>Catholis 43EC</b>	Trừ cỏ hỗn hợp thể hệ mới, có tác động chọn lọc, tiền và hậu nảy mầm. Trừ được hầu hết các loại cỏ hại trên ruộng lạc và cây trồng cạn.
18	<b>FENRIM 18.5 WP</b>	Trừ cỏ hỗn hợp thể hệ mới, tác động chọn lọc, tiền và hậu nảy mầm, thuốc lưu dẫn qua lá thân và rễ cỏ. Thuốc trừ được hầu hết các loại cỏ trên ruộng lúa thuộc 03 nhóm: Hoà bản, lá rộng và có lác như; Cỏ lồng vực, cỏ đuôi phụng, cỏ vẩy ốc, cỏ bọ, rau dứa, cỏ xà bông, cỏ cháo, cỏ chác và cỏ lác...
19	<b>Bravo 480SL</b>	Trừ cỏ hậu nảy mầm có tác động không chọn lọc - Bravo 480SL có phổ tác động rộng, nội hấp qua lá, dùng để trừ cỏ lá rộng, lá hẹp hàng năm và lâu năm như: Cỏ tranh, cỏ chỉ, cỏ gấu, cỏ màn trâu, cây trinh nữ... trên vườn cây công nghiệp, cây ăn quả, đất không canh tác, vùng khai hoang
20	<b>RADA 600RD</b>	Trừ cỏ chọn lọc, nội hấp có tác dụng kích thích sinh trưởng thực vật - Diệt trừ các loại cỏ hại lúa, ngô như: cỏ lác, cỏ cháo, cỏ chác, năng, rau dứa, cỏ mực, cỏ đồng tiền, nghể, bông bông...

**Bảng 6 - Tỷ trọng sản phẩm dịch vụ qua các năm trên tổng doanh thu, lợi nhuận**

SẢN PHẨM	Năm 2009		Năm 2010		6 tháng năm 2011	
	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT
Thuốc trừ sâu	111.995	47,74	180.624	53,78	73.434	38,20
Thuốc trừ bệnh	55.155	23,51	52.677	15,68	30.526	15,88
Thuốc trừ cỏ	64.211	27,37	99.331	29,58	85.975	44,73
Các loại khác	3.214	1,38	3.223	0,96	2.282	1,19
<b>Tổng cộng</b>	<b>234.575</b>	<b>100</b>	<b>335.855</b>	<b>100</b>	<b>192.217</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

**Biểu 1- Tỷ trọng sản phẩm qua các năm**



(Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

**5.2. Nhà cung cấp****+ Các nhà cung cấp nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu của công ty được nhập từ các nhà cung cấp có uy tín trong và ngoài nước, có quan hệ làm ăn lâu năm.

**Bảng 7 - Danh sách các đối tác cung cấp nguyên vật liệu**

<b>STT</b>	<b>Nhà cung cấp</b>	<b>Hàng hóa/Dịch vụ</b>
1	Công ty Itochu	Nguyên vật liệu chính
2	Công ty Sanyo	Nguyên vật liệu chính
3	Công ty Makhteshim – Agan(ThaiLand) Ltd	Nguyên vật liệu chính
4	Trustchem co.Ltd	Nguyên vật liệu chính
5	Công ty TNHH Dupont Việt Nam	Sản phẩm thuốc BVTV
6	Starland Limited ( HongKong)	Nguyên vật liệu chính
7	Công ty in Bách Phúc	Vật tư, bao bì, nhãn mác
8	Công ty TNHH Hưng Hằng	Vật tư, bao bì, nhãn mác
9	Công ty CP nhựa Tân Phú	Vật tư, bao bì, nhãn mác
10	Công ty TNHH Huhtamaki	Vật tư, bao bì, nhãn mác

*Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)*

**+ Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu**

Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường thuốc bảo vệ thực vật, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ lâu dài, chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước. Công ty thường ký các thỏa thuận nhập hàng từ đầu năm, đầu vụ trong đó có các thỏa thuận cụ thể, chi tiết về số lượng, giá cả, chính sách hỗ trợ bán hàng nhằm đảm bảo tính ổn định của giá bán sản phẩm khi đưa ra thị trường. Trường hợp có sự biến động tăng, giảm nguyên vật liệu đầu vào, Công ty được các nhà cung ứng thông báo trước ít nhất ba (03) tháng. Sự ổn định nguồn nguyên liệu giúp Công ty xây dựng được kế hoạch được kế hoạch dự trữ hàng tồn kho với giá vốn thấp, đáp ứng đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động điều chỉnh cho phù hợp với thời vụ, thị trường. Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu của Công ty là nhập từ nước ngoài cho nên giá cả nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng nhiều từ sự thay đổi tỷ giá, biến động giá cả nước ngoài.

**+ Ảnh hưởng của giá cả nguyên – nhiên vật liệu đầu vào tới doanh thu và lợi nhuận**

Nguyên liệu chính để sản xuất các sản phẩm của ngành thuốc bảo vệ thực vật như dung môi, phụ gia, nguyên liệu kỹ thuật... Công ty đều phải nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài và phải thanh toán bằng ngoại tệ (USD). Do đó, khi có sự biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng lớn doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đối với các loại vật tư bao bì, nhãn mác dùng trong quá trình sản xuất được cung ứng bởi các nhà sản xuất trong nước. Hầu hết các nhà cung ứng này cũng nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài (hạt nhựa, PET, HDPE, giấy nhôm, giấy in...) do vậy giá cả cũng thường xuyên biến động với giá thị trường thế giới.

### 5.3. Chi phí sản xuất

**Bảng 8 - Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu**

*Đơn vị: Triệu đồng*

CHI PHÍ	Năm 2009		Năm 2010		Quý II/2011	
	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT
Giá vốn hàng bán	164.356	70,07	238.790	71,10	137.034	71,29
Chi phí hoạt động tài chính	14.533	6,20	17.708	17,70	12.857	6,69
Chi phí bán hàng	24.859	10,60	38.706	38,70	21.505	11,19
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.858	8,04	28.574	28,57	16.720	8,7
Chi phí khác	142	0,06	710	0,21	650	0,34
<b>Tổng cộng</b>	<b>222.748</b>	<b>94,97</b>	<b>324.488</b>	<b>96,61</b>	<b>188.768</b>	<b>98,21</b>

*(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009, năm 2010, báo cáo quý II/2011)*

### 5.4. Ứng dụng công nghệ mới, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh

Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương luôn chú trọng đầu tư máy móc hiện đại, nhập khẩu từ các nước có trình độ công nghệ cao như Tây Ban Nha, Mỹ, Đức...

Các máy móc dây chuyền sản xuất quan trọng nhất liên quan thiết thực đến sản phẩm của Công ty gồm có:

**Bảng 9 - Một số thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh**

<b>STT</b>	<b>Máy móc TB</b>	<b>Xuất xứ</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại (VNĐ)</b>
<b>1</b>	Máy chiết dịch tự động (8 vòi)	Taiwan	607.303.800	184.591.112
<b>2</b>	Máy đóng nắp tự động – FS-AC	Taiwan	454.302.000	136.290.600
<b>3</b>	Máy đóng gói thuốc bột Trục vít – DS 908C	Việt Nam	430.000.000	322.500.004
<b>4</b>	Máy in date tự động	Taiwan	84.979.800	19.828.620
<b>5</b>	Máy đóng gói DX DF – 60Z	Việt Nam	95.000.000	38.000.012
<b>6</b>	Máy phát điện 125KVA 3pha	Nhật Bản	335.522.500	104.850.784
<b>7</b>	Máy đóng gói thuốc nước	Việt Nam	150.000.000	116.666.672
<b>8</b>	Máy xiết nắp bán tự động FS-BTC	Taiwan	82.737.720	31.716.126

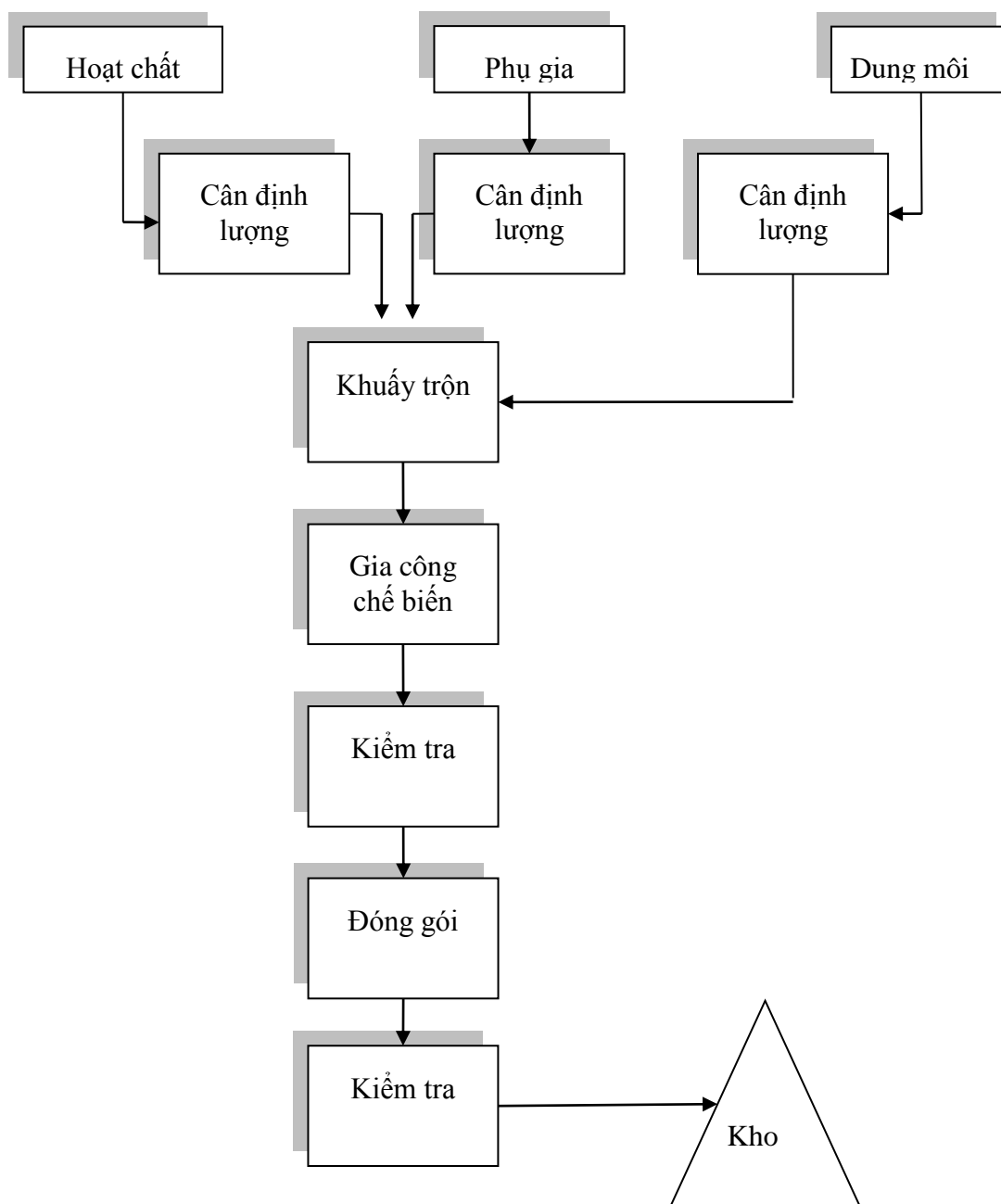
*Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương*

### **5.5. Quy trình sản xuất sản phẩm**

Các loại thuốc bảo vệ thực vật được sản xuất theo quy trình công nghệ như sau: Nguyên liệu, các chất phụ gia và dung môi được cân định lượng cho mỗi loại đưa vào quá trình chế biến, khuấy trộn đảm bảo các thành phần và chất lượng theo yêu cầu của sản phẩm. Kết thúc quá trình chế biến thành phẩm được kiểm tra các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn của sản xuất. Khi thành phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn sang chai đóng gói theo qui cách đã được qui định. sản phẩm sau công đoạn sang chai đóng gói được kiểm tra về qui cách, số lượng và định lượng đạt yêu cầu được nhập kho để cung cấp ra thị trường.

### **Sơ đồ 2- Quy trình sản xuất**





**5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Chính sách chất lượng được ban hành và quán triệt trong toàn Công ty và được sử dụng làm cơ sở để xây dựng mục tiêu chất lượng cho từng bộ phận trong Công ty.

- Mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đều hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng. Công ty không ngừng tìm tòi cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng và các bên liên quan.
- Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN/ISO 9001:2000. Công ty cam kết dành mọi ưu tiên về nguồn lực để xây dựng, thực hiện và cải tiến hệ thống QLCL đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Không ngừng nghiên cứu thị trường để mở rộng thị phần trong và ngoài nước.
- Tập thể CBCNV Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhận thức thống nhất xây dựng chính sách chất lượng với phương châm: “*Đảm bảo chất lượng – thỏa mãn khách hàng – An toàn sản xuất – mang lại công việc, thu nhập cho người lao động và sự phát triển bền vững cho toàn Công ty*”.

### 5.7. Hoạt động Marketing

#### **Chính sách sản phẩm:**

Với phương châm chiến lược kinh doanh: “Tất cả vì lợi ích của khách hàng”, tiêu chí lựa chọn sản phẩm kinh doanh của Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật 1 Trung ương là “An toàn – Hiệu quả - Kinh tế”. Vì vậy, những sản phẩm được Công ty cung ứng trên thị trường trong những năm qua luôn được khách hàng và bà con nông dân tin nhiệm sử dụng.

#### **Tuyên truyền, Quảng bá sản phẩm**

Với mục tiêu tiêu là bảo đảm cho mọi người nông dân khi sử dụng sản phẩm của Công ty đều đạt được hiệu quả cao và an toàn nhất nên Công ty thường xuyên đầu tư nhân lực và chi phí đáng kể cho công tác tuyên truyền, quảng bá sản phẩm đến tận người nông dân và đại lý phân phối. Những nội dung trong công tác quảng bá sản phẩm bao gồm: giới thiệu công ty, giới thiệu sản phẩm (đặc tính kỹ thuật, độc tính, sự nhận biết sản phẩm của công ty, cách sử dụng sản phẩm như thế nào là đúng, các biện pháp phòng ngừa ngộ độc v.v...) thực hiện mô hình trình diễn sản phẩm, trao tặng sản phẩm cho khách hàng sử dụng thử.v.v... Để thực hiện tốt những nội dung trên, Công ty đã và đang chọn các hình thức thực hiện như sau:

- Tổ chức các hội thảo sản phẩm cho đại lý và nông dân.
- Kết hợp với các chi cục BVTV, Trung tâm khuyến nông, Hội nông dân tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo hoặc tọa đàm với các chuyên đề chăm sóc bảo vệ cho từng cây trồng đặc trưng ở mỗi địa phương như: lúa, ngô, dưa hấu, cao su, vải, v.v...
- Thử nghiệm đồng ruộng và các điểm trình diễn thuốc.

- Quảng cáo thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như Báo Nông nghiệp, Đài tiếng nói Việt Nam, các tạp chí kỹ thuật bảo vệ thực vật, chương trình bạn nhà nông, phát quảng cáo sản phẩm trên truyền hình, truyền thanh ở các địa phương trên khắp cả nước.

- Tài trợ Chi cục BVTV các chương trình tập huấn nông dân về 3 tầng 3 giảm, sản xuất rau an toàn, tập huấn nông dân phòng trừ bệnh đạo ôn, rầy nâu và bệnh vàng lùn-lùn xoắn lá trên lúa...

- In ấn và phổ biến các tài liệu như sổ tay sử dụng thuốc BVTV, tài liệu bướm, posters v.v...

### **Giá bán**

Công ty xây dựng chính sách giá bán trên cơ sở giá cả đầu vào, phù hợp với tình hình thị trường và thu nhập của bà con nông dân, đảm bảo đủ chi phí và có lợi nhuận. Giá bán các sản phẩm của Công ty tuy cao hơn so với các sản phẩm khác đang lưu hành nhưng với ưu điểm về chất lượng vượt trội, uy tín của Công ty cùng với sự nỗ lực của nhân viên bán hàng, các sản phẩm của Công ty vẫn có tiềm năng cao và không những đem lại lợi ích kinh tế cho người sử dụng mà còn đem lại lợi nhuận ổn định cho nhà phân phối. Lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty liên tục tăng trưởng qua các năm, đồng thời cũng ngày càng chiếm được ưu thế cạnh tranh trên thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

### **Kênh phân phối và mạng lưới tiếp thị**

Hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty chủ yếu thông qua các khách hàng trung gian phân bố đều khắp trên cả nước và được gọi là đại lý cấp 1 và đại lý cấp 2. Để phục vụ kịp thời sản phẩm đến với khách hàng, Công ty đã thành lập các chi nhánh trực thuộc, Tổ bán hàng khu vực tại các vùng trọng điểm trên cả nước (Hiện Công ty có 11 Chi nhánh và 06 Tổ Bán hàng). Bên cạnh đó Công ty tập trung đầu tư tuyển dụng, đào tạo và có chính sách khuyến khích về thu nhập phù hợp cho đội ngũ nhân viên bán hàng. Những nhiệm vụ của nhân viên bán hàng bao gồm:

- Nghiên cứu và dự báo thị trường để xây dựng kế hoạch marketing phù hợp.
- Triển khai và thực hiện linh hoạt các hoạt động liên quan đến marketing như: chính sách bán hàng, chính sách hậu mãi, các công việc quảng cáo-quảng bá sản phẩm, thu hồi công nợ...
- Thực hiện công tác bán hàng: hàng quý, hàng năm cùng với các chi nhánh xây dựng kế hoạch bán hàng và có trách nhiệm thực hiện kế hoạch kinh doanh đó.
- Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng, bao gồm các khách hàng trung gian và nông dân.
- Tham gia các hoạt động quan hệ cộng đồng, xã hội khác.

## **5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu, logo Công ty tại cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học công nghệ Việt Nam. Hiện nay Công ty có hơn 40 nhãn hiệu được đăng ký, hiện tại đang tiếp tục đăng ký thêm một số nhãn hiệu hàng hóa khác.



**Logo**

### **5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Công ty thực hiện phân phối qua hệ thống kênh các đại lý tại các địa phương. Hệ thống các đại lý phân phối sản phẩm được thành lập ngay từ những năm đầu hoạt động và các hợp đồng cung cấp sản phẩm cho các đại lý chủ yếu là các Hợp đồng tiêu thụ độc quyền.

**Bảng 10 - Một số hợp đồng lớn đang thực hiện**

<b>STT</b>	<b>Số hợp đồng</b>	<b>Ngày hợp đồng</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Trị giá (USD)</b>	<b>Đối tác</b>
1	01 KATANA PSC1-ITC2011	14/01/2011	Katana 20SC	274.050	ITOCHU
2	01 FUJI PSC1- ITC2011	14/01/2011	FUJI-ONE 40WP	435.200	ITOCHU
3	01 BPMC PSC1- ITC2011	22/03/2011	BPMC TECH 98%	150.400	ITOCHU
4	AATE-10-2185	04/01/2011	SORPOL VN-C	48.960	SUMIT AGRO
5	20110120/PSC.1- SACIC	20/01/2011	KABIM 30WP	120.900	STARLAND
6	250211/PSC.1- SACIC	25/02/2011	VICTORY 585EC	92.000	STARLAND
7	20110329/PSC.1- SLHK	29/03/2011	KABIM 30WP	147.000	STARLAND
8	Q/XHG.N0082Z- 2011	22/02/2011	BRAVO 480SL	256.000	ZHEJIANG XINAN

## BẢN CÁO BẠCH

---

9	PSC1-TC 04	28/01/2011	CAVIL 50SC	50.720	TRUSTCHEM
10	ST-08965	18/03/2011	ETOFENPROX 99% TECH	90.000	SANYO
11	2011-005	22/02/2011	ATRANEX 80WP	78.400	MAKHTESHIM
12	2011-001	15/02/2011	DIAZINON 95% TECH	99.792	MAKHTESHIM
13	02-PSC1- DLRZ/2011	11/04/2011	TANGO 800WG	123.000	DALIAN
14	TWO-PSC1 /05	08/04/2011	FENITROTHION 96% TECH	176.000	TAI WO

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

**6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất****6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất****Bảng 11 - Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD**

Đơn vị : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng, giảm	Quý II/2011
Tổng giá trị tài sản	189.920.717.797	194.535.037.719	2,43%	244.925.866.693
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	234.574.943.117	335.854.555.154	43,18%	192.217.212.269
Doanh thu thuần	230.427.806.646	335.018.517.659	45,39%	192.212.267.734
Giá vốn	164.355.959.782	238.789.932.787	45,29%	137.033.967.125
Chi phí hoạt động tài chính	14.532.531.561	17.708.238.949	21,85%	12.857.544.555
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	10.499.018.648	14.853.477.480	41,47%	4.891.666.931
Lợi nhuận khác	2.104.170.987	98.140.442	(95,34%)	875.298.930
Lợi nhuận trước thuế	12.603.189.635	14.951.617.922	18,63%	5.766.965.861
Lợi nhuận sau thuế	11.491.768.407	13.158.792.410	14,51%	5.179.500.589
Tỷ lệ trả cổ tức	15,56	16	2,83%	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	67,7%	60,8%	(10,2%)	-

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009, năm 2010 và Quý II/2011)

Trong năm 2009 và 2010 dù kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty luôn đạt và vượt kế hoạch đề ra. Năm 2010 doanh thu bán hàng đạt hơn 335 tỷ đồng tăng 43,18% so với năm 2009. Tăng tương ứng với doanh thu bán hàng là giá vốn hàng bán cũng tăng 45,39% do nguyên vật liệu đầu vào đều tăng cao so với năm trước đó. Điều đáng lưu ý là doanh thu của ngành thuốc bảo vệ thực vật phụ thuộc nhiều vào thời tiết và tình hình dịch bệnh trên lúa và hoa màu.

**6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:**

Từ các chỉ tiêu tài chính nêu trên, có thể thấy trong 02 năm trở lại đây Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương hoạt động kinh doanh khá hiệu quả và ổn định. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 41,47% so với năm 2009, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 18,63% do sự sụt giảm của lợi nhuận khác (-95,34%) Sự tăng trưởng của Công ty ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố sau:

### **Thuận lợi:**

- Trong năm 2010 và nửa đầu năm 2011 mặc dù tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng ổn định, trong đó ngành Nông lâm thủy sản vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế với hơn 20% GDP và 28% kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2010. Ngành nông lâm nghiệp, thủy sản phát triển kéo theo nhu cầu về thuốc bảo vệ thực vật ngày càng cao, tạo điều kiện cho Công ty mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thương hiệu thuốc bảo vệ thực vật của Công ty được các đối tác, khách hàng biết đến nhờ vào chất lượng và sản phẩm ổn định, phù hợp với môi trường, yêu cầu sinh thái của từng vùng, từng loại cây trồng. Công ty luôn quan tâm việc cải tiến mẫu mã, sản phẩm để phù hợp với tập quán và thói quen sử dụng của từng vùng miền, chính sách giá cả hợp lý.
- Đội ngũ lãnh đạo của Công ty có trình độ chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành thuốc bảo vệ thực vật, thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao chất lượng chuyên môn. Thường xuyên hợp tác với các nhà khoa học ở bộ ngành để học hỏi, tích lũy kinh nghiệm...
- Công ty có mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước từ Bắc, Trung, Nam. Các chi nhánh, hệ thống bán hàng của Công ty luôn bám sát địa bàn, nắm bắt nhu cầu thị trường để đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

### **Khó khăn:**

Mặc dù ngành nông lâm nghiệp nói chung và ngành thuốc bảo vệ thực vật nói riêng được chính phủ tạo điều kiện ưu tiên phát triển sản xuất kinh doanh tuy nhiên vẫn không tránh khỏi những rủi ro chung như tỷ giá, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, lãi suất... ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm bán ra. Lý do chính là hầu hết các doanh nghiệp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong nước thường không sản xuất và nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu về, sau đó chế biến gia công đóng gói hoặc đóng chai bán ra thị trường.

Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do mở rộng mạnh các khu công nghiệp và đô thị hóa cao, khiến cho nhu cầu, tốc độ tăng trưởng của ngành thuốc bảo vệ thực vật cũng ngày càng chậm lại.

Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp trong ngành và thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu từ Trung Quốc cũng ảnh hưởng mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng thuốc của cơ quan ban ngành còn hạn chế, khiến cho nhiều cơ sở sản xuất làm thuốc giả, thuốc nhái kém chất lượng... cạnh tranh mạnh với các sản phẩm chất lượng chính hãng.

### 7. Vị thế Công ty trong ngành

#### 7.1. Những lợi thế cạnh tranh của Công ty

Qua hơn 25 năm hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương đã trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về cung ứng thuốc bảo vệ thực vật. Uy tín và năng lực cạnh tranh của Công ty được tạo dựng dựa trên;

- Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, có nhiều kinh nghiệm và nhiệt tình công tác cùng hệ thống sản xuất có hạ tầng cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại. Mạng lưới chi nhánh rộng khắp các tỉnh thành phố trong cả nước.
- Các sản phẩm của Công ty được khách hàng, đối tác và người nông dân tin dùng. Công ty không ngừng cải tiến sản phẩm nhằm đảm bảo thị hiếu của người tiêu dùng và luôn phấn đấu là người bạn chân thành, gần gũi của nhà nông.

#### 7.2. Triển vọng và cơ hội phát triển ngành

Ngành nông lâm nghiệp trong có có lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật luôn được Nhà nước quan tâm và phát triển. Ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Năm 2010, chứng kiến nhiều chuyển động trong chiến lược phát triển nông nghiệp ở hầu hết các nước xuất khẩu nông sản mạnh điển hình là Thái Lan và Hoa Kỳ. Chiến lược đầu tư phát triển nông nghiệp của các nước này đang hướng mạnh vào phát triển bền vững, tiết kiệm và bảo tồn nguồn lực nội địa, giảm quy mô sản xuất nông nghiệp nội địa, dịch chuyển đầu tư sản xuất nông nghiệp quy mô lớn sang các nước đang phát triển.

Xu hướng nông nghiệp toàn cầu hóa cũng đã và đang mở ra cánh cửa mới cho ngành nông nghiệp Việt Nam. Diện tích đất lúa ngày càng thu hẹp (cả ở Việt Nam và thế giới), trong khi diện tích gieo trồng tăng lên, đòi hỏi sản lượng và năng suất lúa ngày càng cao. Chất lượng nông sản phải đảm bảo được các tiêu chuẩn khắt khe của các nước nhập khẩu. Bên cạnh đó, dân số thế giới ngày càng tăng lên, theo dự đoán của các chuyên gia Liên Hợp Quốc dân số toàn thế giới sẽ có khoảng 10 tỷ người vào năm 2040 và đặc biệt tăng nhanh ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Điều này dẫn đến nhu cầu cao về các sản phẩm nông nghiệp và kéo theo nhu cầu rất cao về thuốc bảo vệ thực vật chất lượng, thân thiện với môi trường để đảm bảo được năng suất và chất lượng nông phẩm.

Việc chế tạo thuốc bảo vệ thực vật cũng được chú ý hơn, áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật chế tạo hóa chất và kỹ thuật đóng gói mới để hạ giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng các loại thuốc bảo vệ thực vật.

**7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều khó khăn, Nghị quyết 11 của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để thích ứng với tình hình mới, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách phát triển của Công ty tập trung vào các nhóm giải pháp sau;

- Nguồn nhân lực: Xác định yếu tố con người là lòng cốt cho định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Các cán bộ nhân viên trong Công ty không ngừng được học tập, tạo điều kiện nâng cao nghiệp vụ. Đẩy mạnh việc hợp tác với các nhà khoa học đầu ngành trong cả nước trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo thuốc bảo vệ thực vật. Quy hoạch lớp lãnh đạo kế cận từ những cán bộ trẻ có năng lực, có tâm huyết với Công ty.

- Nguồn vốn: Hoàn thiện chế độ kế toán, quản trị tài chính trong Công ty, thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, đầu tư và quản lý chi phí có hiệu quả. Bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và các cổ đông.

- Quản trị, điều hành: Nâng cao năng lực quản trị từ nhân viên, các đơn vị đến lãnh đạo cấp cao nhất. Quản trị tốt rủi ro trong kinh doanh, rủi ro tỷ giá, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu... Áp dụng tin học hóa, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp.

- Hệ thống bán hàng và sản phẩm mới: Tiếp tục đầu tư vào cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, hợp tác với các Công ty đa Quốc gia mạnh trong ngành để phát triển và sản xuất các loại sản phẩm mới. Đẩy mạnh công tác quảng cáo, PR xây dựng thương hiệu cho Công ty, tìm kiếm thị trường mới. Xây dựng và phát triển hệ thống bán hàng đem đến cho khách hàng chất lượng sản phẩm tốt nhất.

**8. Chính sách với người lao động**

**8.1. Cơ cấu lao động**

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là 403 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

**Bảng 12 - Cơ cấu lao động theo trình độ lao động**

<b>STT</b>	<b>Trình độ lao động</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	87	47,54
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	24	13,11
3	Lao động phổ thông	72	39,34
	<b>Tổng</b>	<b>183</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

## **8.2. Chính sách với người lao động**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

### ***Chế độ làm việc***

- Người lao động trong Công ty đều có Hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...
- Công ty thực hiện chế độ 6 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ theo đúng quy định của Luật lao động vào các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm.
- Văn phòng làm việc khang trang thoáng mát. Nhà xưởng được thiết kế đúng tiêu chuẩn đảm bảo điều kiện sản xuất an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Lực lượng lao động, cán bộ công nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### ***Chính sách tuyển dụng và đào tạo***

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty. Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện... Ngoài ra, những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

### ***Chính sách lương, thưởng, phúc lợi***

- Chính sách lương, thù lao, phụ cấp của Công ty được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả công việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên với Công ty. Lương được trả dựa trên vị trí công việc, hiệu quả làm việc và

thâm niên của nhân viên, tất cả các vị trí công việc đều được đánh giá, phân tích, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong Công ty.

- Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên và chăm lo cải thiện tốt điều kiện làm việc của người lao động cũng như nâng cao mức sinh hoạt chung cho toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức ăn ca khi làm thêm giờ cho cán bộ công nhân viên để đảm bảo sức khỏe trong ngày làm việc của công nhân viên.

### 9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau:

- Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.
- Công ty luôn thực hiện trả cổ tức đầy đủ và đúng hạn cho cổ đông

**Bảng 13 - Tình hình chia cổ tức từ 2008 – 2010**

CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Mức trả cổ tức	5.418.000.000	7.780.000.000	8.000.000.000
Tỷ lệ cổ tức	15,48	15,56	16
Hình thức chi trả cổ tức	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

### 10. Tình hình tài chính

#### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.
- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

## BẢN CÁO BẠCH

- Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng là Chứng từ ghi sổ.
- Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu, nguyên tắc của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.
- Trích khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	06 năm
Thiết bị văn phòng	03-04 năm
Phương tiện vận tải	04 năm

- Tình hình công nợ hiện nay:

**Bảng 14 - Tình hình công nợ phải thu năm 2009, năm 2010, Quý II/2011**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý II/2011
Phải thu từ khách hàng	26.648.770.411	35.705.212.829	42.648.799.962
Trả trước cho người bán	1.016.400.383	3.703.202.736	946.705.708
Phải thu khác	928.183.656	548.413.077	581.475.839
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(2.430.419.989)	(2.236.394.565)
<b>TỔNG</b>	<b>28.593.354.450</b>	<b>37.526.408.653</b>	<b>41.940.586.944</b>

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, Quý II/2011)*

Các khoản phải thu của Công ty chủ yếu là thu từ khách hàng, năm 2010 phải thu từ khách hàng tăng gần 34%, quý II/năm 2011 tăng 19,45%. Công ty cần có chính sách bán hàng hợp lý tránh việc tăng quá nhanh các khoản phải thu từ khách hàng, có thể phát sinh các khoản phải thu khó đòi, hoặc không thu hồi được ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

**Bảng 15 - Tình hình công nợ phải trả năm 2009, 2010 và năm Quý II/2011**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý II/2011
Vay và nợ ngắn hạn	65.171.523.506	84.306.885.031	108.780.522.890

**BẢN CÁO BẠCH**

Phải trả người bán	10.991.927.209	10.564.589.715	34.271.603.460
Người mua trả tiền trước	1.318.306.725	1.112.984.737	1.977.864.862
Phải trả công nhân viên	3.664.485.762	8.022.922.550	6.867.568.913
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	2.493.923.201	2.418.427.389	839.155.885
Chi phí phải trả	1.200.174.247	2.206.748.542	2.313.692.953
Các khoản phải trả khác	2.579.081.487	7.325.764.035	11.663.370.218
Quỹ khen thưởng phúc lợi	34.047.297	(107.244.776)	(382.857.846)
<b><i>NỢ NGẮN HẠN</i></b>	<b><i>87.453.469.234</i></b>	<b><i>115.851.077.223</i></b>	<b><i>166.330.921.335</i></b>
Phải trả dài hạn khác	0	0	0
Vay và nợ dài hạn	0	0	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	152.139.245	152.139.245	148.556.445
<b><i>NỢ DÀI HẠN</i></b>	<b><i>152.139.245</i></b>	<b><i>152.139.245</i></b>	<b><i>148.556.445</i></b>
<b>TỔNG</b>	<b>87.605.608.479</b>	<b>116.003.216.468</b>	<b>166.479.477.780</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, năm 2010, Quý II/2011)

Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là nợ vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ. Vay và nợ ngắn hạn trong các năm 2009, 2010 và đầu năm 2011 đều chiếm trên 75% tổng nợ của Công ty. Do đặc thù kinh doanh, là ngành phục vụ nông nghiệp nên Công ty luôn được các ngân hàng hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi.

**10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:****Bảng 16 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	Quý II/2011
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ NH)	Lần	2,00	1,53	1,37
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	Lần	0,50	0,53	0,40
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>	Lần			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,46	0,60	0,68
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,86	1,48	2,12

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng	1,25	1,93	0,99
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,21	1,72	0,78
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5	3,9	2,7
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	15,7	16,8	6,6
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	6,1	6,76	2,1
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	4,6	4,4	2,5

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009, năm 2010, Quý II/2011)

#### *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*

Có thể dễ dàng nhận thấy khả năng thanh toán chung của Công ty qua các năm luôn ổn định ở mức rất an toàn là do Công ty luôn chủ động trong việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ. Một lợi thế do Công ty là các khoản nợ ngân hàng đều phục vụ sản xuất kinh doanh, không bị hạn chế tăng trưởng tín dụng từ ngân hàng, đặc biệt trong giai đoạn hiện tại khi mà lãi suất ngân hàng ngày càng không ổn định và luôn có xu hướng tăng cao. Tuy nhiên Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật 1 Trung ương hoàn toàn có thể duy trì khả năng thanh toán ở mức thấp hơn rất nhiều so với hiện tại (trong vòng 1,0) để có thể sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả hơn.

#### *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*

Hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty duy trì xung quanh mức 0,4 đến 0,6 ở mức trung bình so với ngành.

Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng từ 0,86 năm 2009 đến 1,48 năm 2010. Nguyên nhân là do Vốn chủ sở hữu năm 2010 có giảm so với năm trước và các khoản phải trả khác tăng lên do phát sinh trong điều kiện kinh doanh của Công ty.

#### *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*

Tỷ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2010 tăng nhẹ so với năm 2009 do giá vốn hàng bán tăng, nhưng nhìn chung được duy trì tương đối ổn định.

Tỷ số Doanh thu thuần/ Tổng tài sản của Công ty năm 2010 cũng tăng nhẹ so với năm 2009, từ 1,21 lần đến 1,72 lần. Nguyên nhân do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng.

**✚ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Ta thấy khả năng sinh lời của Công ty nhìn chung tương đối ổn định qua các năm, xong còn ở mức trung bình. Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần của Công ty năm 2010 giảm so với năm 2009, nguyên nhân là do chi phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, bên cạnh đó chi phí tài chính, chi phí quản lý và bán hàng cũng tăng so với năm 2009.

Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần cũng ổn định và tăng nhẹ so với năm 2009. Mặc dù năm 2010, nền kinh tế cũng gặp nhiều khó khăn, tỷ giá và giá nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh. Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng ổn định qua các năm.

## **11. Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc. Ban kiểm soát. Kế toán trưởng**

### **1.1 Hội đồng quản trị:**

#### **1. Ông Đặng Văn Thông – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD**

Họ và tên	<b>Đặng Văn Thông</b>
Giới tính	Nam.
Ngày tháng năm sinh	20/10/1964
Nơi sinh	Đông Anh - Hà Nội
Chứng minh thư nhân dân	011773468, cấp ngày 09/4/2008. Nơi cấp CA Hà Nội.
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đông Anh - Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số nhà 21 ngõ 104 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông học, Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
Tháng 6/1991 - 3/1993	Nhân viên Trung tâm kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, Cục Bảo vệ thực vật



Tháng 4/1993 - 6/1995	Nhân viên Phòng Kỹ thuật, Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/1995 - 8/1996	Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 9/1996 - 5/1998	Phó Phòng Thị trường Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 6/1998 - 3/2002	Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2003 - 6/2006	Quyền Giám Đốc Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2006 – nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Số cổ phần nắm giữ	1.616.811 (chiếm 32,08% vốn điều lệ của Công ty)
Trong đó	- Đại diện vốn nhà nước: 1.351.973 cổ phần chiếm 27,04% vốn điều lệ của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 264.838 cổ phần chiếm 5,04% vốn điều lệ của Công ty.
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

## **2. Ông Đỗ Đức Cơ – Ủy viên HĐQT kiêm PTGD**

Họ và tên	<b>Đỗ Đức Cơ</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/10/1962
Nơi sinh	Thái Bình
Chứng minh thư nhân dân	012899334 Cấp ngày 4/8/2006 tại: CA Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Số nhà 4 Ngõ 470, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân sinh học, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Tháng 8/1984-4/1993	Cử nhân, Cục Bảo vệ thực vật
Tháng 5/1993-6/1994	Cử nhân, Phòng Kỹ Thuật, Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/1994-2/2002	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 3/2002-6/2006	Phó giám đốc Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2006-nay	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty
Số cổ phần nắm giữ	975.639 cổ phần (chiếm 18,75% vốn điều lệ của Công ty)
Trong đó	- Đại diện vốn Nhà nước: 901.315 cổ phần chiếm 17,33% vốn điều lệ của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 74.324 cổ phần chiếm 1,42% vốn điều lệ Công ty.
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

### **3. Ông Trần Quang Dinh - Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

Họ và tên	<b>Trần Quang Dinh</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	30/08/1961
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Chứng minh thư nhân dân	013014442 Cấp ngày 27/10/2007 tại: CA Hà Nội

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	Số nhà 18 Ngõ 135, Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Tháng 4/1987-5/1990	Phụ trách Phòng Kế hoạch Vật tư, Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Nghệ Tĩnh
Tháng 6/1990-7/1994	Kế toán trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Hà Tĩnh
Tháng 7/1994-7/2002	Giám Đốc Chi nhánh Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1 tại Hà Tĩnh
Tháng 7/2002-11/2004	Trưởng Phòng Tài vụ Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 12/2004-6/2006	Kế toán trưởng Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 7/2006-nay	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Số cổ phần nắm giữ	74.444 Cổ phần (Chiếm 1,42% vốn điều lệ của Công ty)
Số cổ phần nắm giữ của người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

#### **4. Ông Vũ Thiện Giáo – Thành viên HĐQT**

Họ và tên	Vũ Thiện Giáo
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	08/07/1961
Nơi sinh	Lai Châu
Chứng minh thư nhân dân	011318092, cấp ngày 24/11/2005. Nơi cấp: CA Hà Nội

## BẢN CÁO BẠCH

---

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Lai Châu
Địa chỉ thường trú	Số 6 Ngõ 99/3 Nguyễn Chí Thanh Đống Đa Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa chất
Quá trình công tác	
Từ 2/1986-3/1991	Cán bộ nghiên cứu nông dược Viện Hóa học Công Nghiệp
Từ 4/1991-7/1995	Cán bộ nghiên cứu Công ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam
Từ 8/1995-3/1997	Phụ trách Phòng nghiên cứu tại Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
Từ 4/1995-8/1999	Phó Phòng nghiên cứu tại Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
Từ 9/1999-3/2002	Phụ trách nghiên cứu phát triển sản phẩm, Trưởng phòng Kỹ thuật, Chi nhánh 1 Hà Nội, Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
Từ 4/2002-12/2006	Quản lý kỹ thuật sản xuất Chi nhánh 1 Hà Nội Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
Từ 1/2007-6/2009	Trưởng phòng Kế Hoạch Chi nhánh 1 Công ty thuốc sát trùng Việt Nam
Từ 7/2009- nay	Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Công nghệ Sản xuất, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Trung ương
Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Công nghệ & Sản xuất Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.
Số cổ phần nắm giữ	9.775 cổ phần (chiếm 2,29% vốn điều lệ)
Số cổ phần nắm giữ của người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

### **5. Ông Nguyễn Ngọc Long – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

## BẢN CÁO BẠCH

---

Họ và tên	Nguyễn Ngọc Long
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	28/06/1960
Nơi sinh	Hà Nội
Chứng minh thư nhân dân	011915226 Ngày cấp: 25/9/1995 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số nhà 6, Nhà D, Tổ 54, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Sinh học
Quá trình công tác	
Năm 1978-1980	Chiến sỹ thuộc P3 E95 F307 Quân khu 5
Năm 1980-1983	Học viên trường Sỹ Quan lục quân 1 (K39)
Năm 1983-1984	Trung úy, đại đội phó C3 D6 E29 F345 Quân khu II
Năm 1984-1985	Trung úy, học viên tiểu đoàn Giáo viên Trường Sỹ quan Lục Quân I
Năm 1985-1988	Thượng úy, Giáo viên khoa chiến thuật trường Sỹ quan Lục quân I
Năm 1988 -Tháng 7/1993	Công nhân Xí nghiệp In Thông tấn Xã Việt Nam
Tháng 8/1993-1/2004	Cán bộ Phòng Kỹ thuật Công ty Vật tư Bảo vệ thực vật 1
Tháng 2/2004-6/2006	Giám Đốc Chi nhánh Bảo vệ thực vật 3 Hải Phòng
Tháng 7/2006- nay	Ủy viên HĐQT, Giám Đốc chi nhánh Hải Phòng thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT, Giám Đốc Chi nhánh Hải Phòng thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Số cổ phần nắm giữ	42.792 cổ phần (chiếm 0,81% vốn điều lệ)
Số cổ phần nắm giữ của	Không

người liên quan

Các khoản nợ với Công ty            Không

Hành vi vi phạm pháp luật            Không

Lợi ích liên quan Công ty            Không

## **1.2 Ban Kiểm soát:**

### **1. Ông Đinh Khắc Tuấn – Trưởng ban kiểm soát**

Họ và tên	Đinh Khắc Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	1962
Nơi sinh	Nghĩa Thái, Nghĩa Hưng, Nam Định
Chứng minh thư nhân dân	013117789 Công an Hà Nội cấp ngày 25/10/2008
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nam Định
Địa chỉ thường trú	P401 A1, Hoàng Đạo Thành, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư BVTV
Quá trình công tác	
Tháng 2/1987 - 6/1998	Công ty xuất nhập khẩu Nghĩa Hưng – Nam Định
Tháng 7/1998 – 10/2006	Công ty vật tư BVTV1 Trung ương
Tháng 7/2006 – Nay	Công ty cổ phần BVTV1 Trung ương
Chức vụ hiện tại	Trưởng ban kiểm soát – Tổ trưởng tổ bán hàng khu vực V
Số cổ phần nắm giữ	22.230 cổ phần (chiếm 0,42% vốn điều lệ)
Số cổ phần nắm giữ của người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

### **2. Bà Doãn Thị Hằng – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Doãn Thị Hằng
-----------	---------------

## BẢN CÁO BẠCH

---

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/7/1977
Nơi sinh	Son La
Chứng minh thư nhân dân	012484485
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Son La
Địa chỉ thường trú	Số 23/516 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Tháng 4/1997 - 6/2006	Nhân viên - Phòng Kế Hoạch thuộc Công ty vật tư Bảo vệ thực vật 1 TW
Tháng 7/2006 - Đến nay	Nhân viên - Phòng Kinh Doanh thuộc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 TW
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ	22.700 cổ phần (chiếm 0,43%% vốn điều lệ)
Số cổ phần nắm giữ của người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

### 3. Ông Lê Phan Thành – Thành viên ban kiểm soát kiêm

Họ và tên	Lê Phan Thành
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/04/1973

## BẢN CÁO BẠCH

---

Nơi sinh	Tuyên Quang
Chứng minh thư nhân dân	012748004 Cấp ngày 20/01/2011 tại: CA Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tuyên Quang
Địa chỉ thường trú	404 D2C Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Tháng 10/1994 - 5/2006	Kế toán Công ty Vật tư bảo vệ thực vật 1
Tháng 6/2006 - 2/2008	Kế toán Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Tháng 3/2008 - 06/2008	Nghỉ không hưởng lương
Tháng 07/2008 - 02/2010	Công ty cổ phần Vật tư bảo vệ thực vật Hà Nội
Tháng 03/2010 đến nay	Ban Quản lý các dự án nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp & PTNT
Chức vụ hiện tại	Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
Số cổ phần nắm giữ	15.980 cổ phần (chiếm 0,30 % vốn điều lệ)
Số cổ phần nắm giữ của người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan Công ty	Không

### **1.3 Ban Giám đốc:**

- 1. Ông Đặng Văn Thông – Tổng Giám đốc (Lý lịch như trên)**
- 2. Ông Đỗ Đức Cơ – Phó Giám đốc (Lý lịch như trên)**

### **1.4 Kế toán trưởng:**

**Ông Trần Quang Dinh – Kế toán trưởng (Lý lịch như trên)**



**12. Tài sản****Bảng 17 - Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2010***Đơn vị: đồng*

<b>Tài sản</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>% Giá trị còn lại</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>38.602.181.932</b>	<b>22.555.051.545</b>	<b>16.047.130.387</b>	<b>100</b>
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	19.185.551.793	11.251.538.590	7.934.013.203	49,44
Máy móc thiết bị	6.326.811.847	4.260.903.595	2.065.908.252	12,87
Phương tiện vận tải truyền dẫn	11.341.825.958	5.414.580.216	5.927.245.742	36,94
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.720.673.784	1.600.710.594	119.963.190	0,75
Tài sản cố định khác	27.318.550	27.318.550	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.602.181.932</b>	<b>22.555.051.545</b>	<b>16.047.130.387</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010)***Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty tại thời điểm 31/12/2010****Bảng 18 - Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 31/12/2010**

**BẢN CÁO BẠCH**

	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích(m<sup>2</sup>)</b>	<b>Thời điểm bắt đầu thuê</b>	<b>Thời hạn(năm)</b>	<b>Loại hình</b>
Văn phòng trụ sở công ty	Số 145, Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội	467,6	1993	50	Đất thuê trả tiền hàng năm
Kho xưởng sản xuất bao bì	Phố Lưu Thái, xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	1.321	1994	22	Đất thuê trả tiền hàng năm
Văn phòng làm việc cửa hàng Đoan Hùng, xã Sóc Đăng, Đoan Hùng, Phú Thọ	Xã Sóc Đăng, Đoan Hùng, Phú Thọ	136	2000		Đất thuộc quyền sử dụng của Công ty, trả tiền một lần.
Văn phòng Chi nhánh Phía Bắc	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	10.800	1996	30	Đất thuê trả tiền hàng năm
Khu nhà cấp 4 Chi nhánh Phía Bắc	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	3.262	1999	28	Đất thuê trả tiền hàng năm
Khu ao Chuôm Đình xứ Đồng Lãng (Chi nhánh Phía Bắc)	Huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	6.175	2000	26	Đất thuê trả tiền một lần
Khu ao sen phía sau Văn phòng Chi nhánh Phía Bắc	Huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	1.975	1997	30	Đất thuê trả tiền một lần
Khu vườn cây (Chi nhánh Phía Bắc)	Huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	112	1994		Đất thuộc quyền sở hữu của Công ty, trả tiền một lần
Khu vườn cây (Chi nhánh Phía Bắc)	Huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	383	2000		Đất thuộc quyền sở hữu của Công ty, trả tiền một lần
Xưởng sản xuất Chi nhánh Hải Phòng	Vật Cách, Quán Toan, Hải Phòng	8.838	1986	Thuê đất hàng năm	Đất thuê và trả tiền hàng năm,
Văn phòng Chi nhánh Thanh Hoá	Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa	1.200	2000	30	Đất thuê trả tiền hàng năm

## BẢN CÁO BẠCH

Kho thuốc BVTV Chi nhánh Thanh Hoá	Hoàng Phú, Hoàng Hoá, Thanh Hoá	1.509	2000	20	Đất thuê trả tiền hàng năm
Kho, Xưởng sản xuất thuốc BVTV Chi nhánh Phía Nam	Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh	3.100	1998	25	Đất thuê trả tiền một lần
Kho, Xưởng sản xuất thuốc BVTV Chi nhánh Đà Nẵng	Thôn Phú Sơn, xã Hoà Khương, Huyện Hoà Vang, tp. Đà Nẵng	17.186	2005	15	Đất thuê trả tiền hàng năm
Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	Thôn Phú Sơn, xã Hoà Vang, huyện Hoà Khương, tp. Đà Nẵng	5.940	2008	5	Đất thuê trả tiền hàng năm
Văn phòng kho chi nhánh Tây Nguyên	Km 4+ 500, quốc lộ 14, phường Tân An, tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	630	1999	20	Đất thuê trả tiền hàng năm
Văn phòng chi nhánh Quảng Ngãi	Phường Chánh Nghĩa, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	600	2000	35	Đất thuê trả tiền hàng năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật I Trung ương)

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

**Bảng 19 - Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2011-2013**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012		Năm 2013	
			Giá trị	%Tăng (giảm) so với năm 2009	Giá trị	%Tăng (giảm) so với năm 2010
1	Vốn chủ sở hữu	69.660	73.560	5,87%	77.460	5,32%

<b>2</b>	Vốn điều lệ	52.500	52.500	-	52.500	-
<b>3</b>	Doanh thu thuần	275.500	303.050	10%	318.203	5,00%
<b>4</b>	Lợi nhuận sau thuế	12.586	14.115	12,15%	14.820	5,00%
<b>5</b>	Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần (%)	4,57	4,66	1,97%	4,66	-
<b>6</b>	Tỷ lệ LNST/ Vốn chủ sở hữu (%)	21,09	19,19	(9,01)%	19,13	(0,31)%
<b>7</b>	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	25,17	26,88	6,79%	28,22	4,99%
<b>8</b>	Tỷ lệ cổ tức	16	16,5	3,12%	17	3,03%
<b>9</b>	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	67%	61%		60%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

### **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Tốc độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua khá cao và ổn định. Mặc dù vẫn chịu ảnh hưởng nhiều từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 và 2009, năm 2011 chính phủ thực hiện chủ trương thắt chặt tiền tệ, kiểm chế lạm phát, mặc dù ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế nhưng các biện pháp điều tiết đang tỏ ra đúng hướng để nền kinh tế phát triển ổn định hơn. Vốn tín dụng vẫn được khuyến khích tập trung vào lĩnh vực sản xuất trong đó có nông lâm nghiệp, riêng ngành thuốc bảo vệ thực vật được Bộ NN&PTNN đặc biệt quan tâm. Các cơ quan quản lý đang tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, giá cả để hạn chế các đơn vị làm hàng giả, hàng kém chất lượng ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh chung của bà con nông dân, tạo sân chơi trong sạch hơn cho các doanh nghiệp trong ngành.

Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương là một doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín trong lĩnh vực sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Các sản phẩm của Công ty luôn được bà con nông dân tin nhiệm, lãnh đạo các địa phương có thể mạnh về nông nghiệp khuyến khích sử dụng và ký hợp đồng lâu dài với Công ty. Hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ của Công ty đồng bộ và hiện đại sản xuất và pha chế nhiều loại thuốc chất lượng và hiệu quả cao. Đội ngũ kỹ sư, nhân viên trong công ty có kinh nghiệm và thường xuyên cộng tác với các nhà khoa học đầu ngành.

### **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương. Nếu không có những biến động

bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin thu được thu thập lựa chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

#### **15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có

### **V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**

#### **1. Loại chứng khoán**

Cổ phần phổ thông

#### **2. Mệnh giá**

Mệnh giá cổ phiếu niêm yết là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

#### **3. Tổng số chứng khoán niêm yết**

Tổng số cổ phần niêm yết:

5.250.000 cổ phần

#### **4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**

Theo khoản d mục 1 điều 8 Nghị định số 14/2007 của Chính phủ quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết: .....  
cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo: ..... cổ phiếu.

**5. Phương pháp tính giá**

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:**

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị sổ sách tại thời} \\ \text{điểm 31/12/2010} = \end{array} \frac{\begin{array}{r} \text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2010 - Quỹ khen} \\ \text{thưởng phúc lợi} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Tổng số cổ phiếu - Cổ phiếu quỹ} \\ \\ 78.531.821.251 - 107.244.776 \end{array}} \\ = \\ = \end{array} \frac{5.000.000}{15,685 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2011:**

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị sổ sách tại thời} \\ \text{điểm 30/06/2011} = \end{array} \frac{\begin{array}{r} \text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2011 - Quỹ khen} \\ \text{thưởng phúc lợi} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Tổng số cổ phiếu - Cổ phiếu quỹ} \\ \\ 78.446.388.913 - 382.857.846 \end{array}} \\ = \\ = \end{array} \frac{5.250.000}{14.869 \text{ đồng/ Cổ phiếu}}$$

**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Tại thời điểm 30/06/2011, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0% Vốn điều lệ.

### 7. Các loại thuế có liên quan

- ✦ Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200348588 ngày 31/12/1998, sửa đổi lần 6 ngày 07/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước là 25%.
- ✦ Thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ của hoạt động bán nhà dự án được kê khai và nộp trên cơ sở doanh thu được ghi nhận trong kỳ chưa phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.
- ✦ Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.
- ✦ Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn (5%), chuyển nhượng vốn (20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần), chứng khoán theo Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn cụ thể.

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

❖ **Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính**

Địa chỉ: 1501 Tòa nhà 17T1, Trung Hòa – Nhân Chính, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.62 811 488 Fax: 84.4.62 811 499

Website: [www.acagroup.com.vn](http://www.acagroup.com.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

*Trụ sở chính*

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04 3 773 70 70/ 271 71 71 Fax: 04 3 773 90 58

Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn) Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: 29-31 Nguyễn Công Trứ - P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 6 290 86 86 Fax: 08 6 291 60 70

**Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: 124 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 355 3666 Fax: 0511 355 3888



**VII. PHỤ LỤC**

**1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

**2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết**

**3. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, Báo cáo quý II/2011**

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2011*

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT - CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG  
CHỦ TỊCH HĐQT- GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**